

Nhớ Nhau Suốt Đời

Truyện ngắn của Nguyễn Ngọc Hoa

Xong việc ở Sài Gòn, chúng tôi thuê chiếc xe du lịch có tài xế để đi dọc theo Quốc lộ 1 ra miền Trung, vùng đất tôi đã sống những năm tháng dài hạnh phúc lẫn buồn tênh. Con quốc lộ trông tiêu điều hơn xưa vì lỗ chỗ ổ gà, hai bên đường nhà cửa xây cất lộn xộn, và người ta đi lại tấp nập, nhưng – giống như ở Sài Gòn – tôi chỉ thấy những bộ mặt hốc hác lo âu. Không có lấy một nụ cười. Rời Sài Gòn, chúng tôi theo xa lộ Biên Hòa, đến Long Khánh, và cuối cùng dừng lại ở Phan Thiết để nghỉ đêm đầu tiên. Buổi tối, bạn Quỳnh Châu sẽ tổ chức họp mặt đón mừng chúng tôi.

Ngày xưa tôi ghé Phan Thiết khoảng chục lần, số lần buồn nhiều hơn vui. Trong ký ức, Phan Thiết là thành phố êm đềm thơ mộng với sông Mương Mán uốn mình chảy qua và ba cây cầu bắc qua sông, nối tả ngạn và hữu ngạn. Tả ngạn là khu hành chính gồm tòa Hành chính Tỉnh và Tiểu khu Bình Thuận, các ty sở chính phủ, nhà ga, bệnh viện, trường học, và bến xe đò. Hữu ngạn là khu thương mại gồm chợ lớn, rạp hát, ngân hàng, và cửa hàng mua bán. Đường Huyền Trân Công chúa từ dốc tòa Hành chính đổ xuống, chạy dọc bờ sông, và dẫn tới bãi biển Thương chánh.

Chúng tôi vào ngã bảy trung tâm thành phố khoảng xế trưa và theo đường Gia Long đến tiệm Nam Thạnh Lầu gần vườn hoa cạnh bờ sông và cầu Quan để ăn trưa. Sau đó, đi xuống biển tới khách sạn Đồi Dương nhìn ra bãi biển Đồi Dương, tên bãi biển mới đặt sau năm 1975 nên tôi mới nghe lần đầu. Ghi tên vào khách sạn, chúng tôi phải trả tiền phòng bằng năm lần số tiền ghi trên giá biểu với lý do, “Anh chị là ‘Việt kiều’ nước ngoài về.”

Trong lúc Quỳnh Châu hối hả nhờ tài xế đưa đi gặp bạn, tôi đi bộ ra bãi biển bên kia đường. Nhằm ngày biển động, trời u ám, gió thổi phần phật, và nước biển đục ngầu. Tôi ngồi dưới gốc cây dương nhìn ra khơi và suy nghĩ mông lung. Một lát sau, một cô bé chừng 11, 12 tuổi, dáng gầy gò, và khuôn mặt tương đối sáng sủa bưng chiếc khay có những miếng xoài và cốc cắt sẵn đến trước mặt tôi,

“Chú mua giùm cho con một miếng. Sáng giờ con chưa bán được miếng nào, đói bụng quá mà chưa được ăn cơm.”

Tôi biết cô bé nói dối vì khay xoài và cốc trên tay cô đã vơi hơn một nửa. Tôi lắc đầu vì xưa nay không thích ăn các thức ăn vặt này. Hơn nữa, ở Sài Gòn, Song bạn tôi không ngót căn dặn,

“Không được ăn hay uống thứ gì chưa nấu chín vì ‘bộ máy’ của tụi mày lâu nay quen với môi trường bên Mỹ, không có tính miễn nhiễm của bọn *cừ trâu* [nhà quê hay cả dân] như tụi tao. Ăn uống bậy bạ bị *Tào Tháo đuổi* cho đến khi về Mỹ thì rán mà chịu.”

Ngay cả Coca-Cola tôi có thói quen uống khi ăn trưa, Song cũng bắt tôi cầm nguyên chai (đã để lạnh) đưa lên miệng tu mà không được rót ra ly uống với nước đá, vì nước đá làm bằng nước không tinh khiết. (Nước Coca-Cola được khử trùng trước khi cho vào chai.)

Nhưng không dễ gì mà cô bé bán hàng chịu bỏ cuộc. Cô tiếp tục nài nỉ than van như thể nếu tôi không mua cô sẽ chết đói tới nơi. Tôi nhớ ra lúc chia tay, Song nhét vào túi tôi một xấp giấy bạc năm ngàn đồng tiền Hồ Chí Minh mặt sau in hình nhà máy thủy điện Trị An, mỗi tờ bằng khoảng 30 xu Mỹ, và nói, “Mày giữ đó, sẽ có dịp dùng.” Tôi rút ra một tờ tiền Hồ đưa cho cô bé, “Tôi không ăn các thứ đó. Cho em năm ngàn, để cho tôi yên *nghen*.”

Cô bé cầm tiền quày quã đi. Vài phút sau cô trở lại và dẫn theo bốn cô bạn, cô nào cũng bưng khay bán đồ ăn vặt và xúm lại mời tôi mua. Tôi từ chối thì bị các cô phàn nàn dai như giẻ rách, “Chú mua của nó, sao không mua giùm con? *Dzậy* là không công bằng.”

Họ van vỉ không dứt. Tôi đành xùy ra cho mỗi cô một tờ tiền Hồ để họ đi cho khuất mắt. Tôi lằm to! Chỉ một lát sau, một nhóm ba cô lớn tuổi hơn, trạc 17, 18 tuổi, mang khay bán kính mát đến mời tôi mua, mỗi chiếc giá 50 ngàn đồng (khoảng ba đô la Mỹ). Kính mang nhãn hiệu nổi tiếng như Ray-Ban, Oakley, và Maui Jim, nhưng xấu xí và làm dối hơn cả đồ chơi trẻ con ở Hoa Kỳ. Mỗi chiếc kèm theo một tờ quảng cáo nhỏ bằng tiếng Anh đầy lỗi chính tả và viết văn phạm sai bét. Các cô này mạnh dạn hơn, có vẻ thuyết phục hơn, và dai dẳng hơn. Rốt cuộc tôi phải nộp cho mỗi cô hai tờ tiền Hồ (khoảng 60 xu Mỹ), xem như *bỏ của chạy lấy người*.

Tôi vội vã rời bãi biển đi về hướng tây, tìm đường Huyền Trân Công chúa, rẽ lên hướng phố, và cuối cùng tới khu nhà dì Lang trong xóm Thương chánh năm xưa tôi từng ghé lại. Dì là mẹ của Quan, em cùng cha khác mẹ của tôi.

Mẹ kể ngày tôi chưa đầy ba tuổi, cha đóng đồn ở Đồng Hới là tỉnh lỵ của Quảng Bình, gia đình sống ở làng Đồng Phú kế cận thành phố, và mẹ có bầu Sang em kế tôi. Giống như phần lớn đàn ông có chút địa vị thời đó, cha dỏ thói hoang đàng *trai gái* với dì Lang, một thiếu nữ xinh đẹp trạc tuổi mẹ bán hàng gần đồn lính. Cuộc trăng hoa của cha mang lại một bé trai, em ra đời sau Sang sáu tháng. Khi chuyện vỡ lở, thay vì làm rùm beng hay đi đánh ghen như nhiều người khác, mẹ – người đàn bà nhân hậu một lòng nghĩ đến gia đình và máu mủ của chồng – vào Đồng Hới tìm gặp dì, đề nghị tặng một số tiền để dì làm vốn đi lấy chồng, và xin “bắt con” để bé được đoàn tụ với ba đứa anh của bé. Dì quyết liệt từ chối và sau đó bỗng con đi mất.

Mười bốn năm sau, khi tôi học đệ nhất (lớp 12) ở Ban Mê Thuật (“BMT”) và chuyện xưa hầu như chìm vào quên lãng, mẹ bất ngờ biết tin tức dì Lang nhờ Trung úy Sơn, anh vừa chuyển từ Phan Thiết về BMT làm việc dưới quyền cha. Ngày ở Huế, anh đã làm lễ hỏi với người cô họ tôi, nhưng không biết vì lý do gì nhà gái thối hôn. Thi rớt Tú tài I, anh tình nguyện nhập ngũ vào Liên trường Võ khoa Thủ Đức, ra trường phục vụ ở Phan Thiết, và lấy vợ người Phan Thiết. Anh đưa chị đến thăm mẹ; hai người gọi mẹ bằng “chị” và xưng “em.” Đứng ra, tôi phải gọi anh bằng “dượng” (hụt), nhưng nghe không ổn nên gọi “anh” như trước khi anh và o tôi đính ước.

Chị Sơn quen thân với dì Lang và đã được dì kể lại ngày đó dì theo dân đánh cá làng Tam Tòa thuộc Đồng Hới di cư vào Phan Thiết. Dì lập gia đình với một công chức sở Thương chánh lớn hơn dì 15 tuổi, một mực thương yêu dì, và nhận bé Quan làm con. (Bấy giờ mẹ mới biết tên em.) Dì sinh thêm một cô con gái. Mẹ nhờ chị Sơn dàn xếp với dì để đưa Quan lên BMT sống

với gia đình tôi một tháng “cho anh em *hấn* biết nhau.” Ở BMT, Quan rất mực vâng lời Sang dù chỉ nhỏ hơn sáu tháng và chiều chuộng Bình (cô “công chúa” duy nhất) và hai đứa em út.

Hè năm sau, lúc gia đình đã dọn về Tuy Hòa và tôi đã về Sài Gòn học, Quan lại được gửi ra Tuy Hòa chơi một tháng. Em cúi đầu lặng thinh khi bị cha mắng chửi vì học hành không tới đâu, đến tuổi động viên mà không có bằng Tú tài I, và sẽ phải đi trung sĩ. Về lại Phan Thiết, em tình nguyện gia nhập Hải quân và được đưa vào Sài Gòn học khóa huấn luyện hạ sĩ quan ở Hải quân Công xưởng. Bấy giờ tôi mới gặp em. Mỗi cuối tuần đi phép, em về ở với tôi và Bình (lúc này vào Sài Gòn học trường nữ trung học Gia Long). Có thêm đứa em trai dễ mến như Quan, tôi vui sướng không biết để đâu cho hết. Cám ơn Trời!

Ba tháng quân trường đi qua, mần khóa Quan được đổi về giảng đoàn tuần thám thuộc bộ Tư lệnh Vùng 4 Hải quân ở Nha Trang. Không tới nửa năm sau, tin dữ lại đến: Trong một chuyến hành quân, giảng đĩnh của em bị du kích Việt Cộng phục kích trên bờ biển sê, và em bị thiệt mạng. Em là đứa con thứ hai của gia đình hy sinh vì tổ quốc; hai năm trước anh Quang tử trận trên chiến trường Cao nguyên. Em và tôi gặp nhau chưa bao lâu mà đã ly biệt!

Tôi và Bình ra Phan Thiết đưa đám Quan. Dì Lang ôm tôi và Bình khóc vùi, và dượng (chồng dì) mắt đỏ hoe. Từ đó, mỗi lần có dịp ghé Phan Thiết, tôi đều ghé thăm dì dượng và thắp hương trên bàn thờ em.

* * *

Tôi tới nhà dì Lang và hỏi thăm dì, nhưng người chủ nhà chửi thề và xua đuổi bằng lời lẽ tục tĩu với thứ giọng Bắc the thé nghe rất chói tai. Tôi đoán anh ta là cán bộ ngoài Bắc vào, được cấp ngôi nhà đã cướp đoạt của dì dượng. Tôi thất vọng, lủi thủi trở về thì một trong ba cô gái bán kính mát ngoài bãi biển chặn tôi lại. Nãy giờ cô lẽo đẽo đi sau tôi, có thể vì tò mò hay hy vọng vòì thêm ít tiền của “chú” “Việt kiều” bở ngơ báo cáo. Cô cười cầu tài,

“Con biết bà Lang ở đâu. Chú đưa đây 30 ngàn, con dẫn chú tới nhà *bả*.” Tôi tính nhẩm, 30 ngàn tiền Hồ khoảng hai đô la Mỹ.

“Thật không?” tôi nửa tin nửa ngờ.

“Bảo đảm mà! Con mà nói láo cho Thiên lôi cầm búa đánh cả nhà con tan xác!” cô cam kết và thề độc.

Tôi khấp khởi mừng thầm, lục túi lấy tiền đưa cho cô gái. Cô dẫn tôi đi ngược đường Huyện Trần Công chúa ra hướng bãi Thương chánh, đến một cái chòi nhỏ gần biển, và chạy vào trong thông báo. Một thiếu phụ trạc tứ tuần dáng người khắc khổ bước ra nhìn tôi từ đầu đến chân rồi quay mặt vào trong la lớn,

“Anh *Ba Hoa*! Má ơi, anh *Ba Hoa* đến thăm mình nè.”

“*Ba Hoa* mô? *Tau* không biết ai tên *nó* hết,” tiếng đàn bà nói giọng Quảng Bình trong chòi vọng ra.

Tôi nhận ra người ra gặp tôi là em cùng mẹ khác cha của Quan. Ngày đám tang em, cô mới năm, sáu tuổi. Tôi hỏi,

“Có phải dì Lang trong nhà không? Dì khỏe không em?”

“Dạ má em đó anh. Năm nay má tám chục tuổi, đau yếu rề rề, và tâm trí lú lẫn, không nhớ gì hết. Nhưng má quên chuyện buồn là may. Năm 1975, họ vô họ bắt ba là ‘ngụy quyền’ đi ‘học tập cải tạo.’ Ba tuổi già sức yếu lâm bệnh nặng chết biệt tăm trong trại Hàm Tân. Họ lại lấy cố anh Quan là ‘ngụy quân’ đánh trận và chết cho ‘giặc Mỹ’ để tịch thu nhà cửa và tài sản của má. Hai bàn tay trắng, má con em ra đây cất chòi che mưa che nắng, và em buôn bán lật vật sống lây lất bữa đói bữa no.”

“Em là Liên phải không?” tôi rán cầm nước mắt trước nỗi khổ của mẹ con dì Lang, “Ngày anh gặp em, em còn nhỏ xíu. Em có gia đình chưa?”

“Thứ nghèo *mạt rệp* như em, thời buổi này ai mà thèm anh ơ!”

Tôi theo Liên bước vào chòi và thấy một bà lão gầy khẳng khiu, mặt nhăn nheo không thoáng một nét tinh anh, ngồi trên chiếc đôn gỗ trên sàn cát. Tôi chào dì Lang,

“Thưa dì, dì nhớ con không?”

“*Eng* [anh] là ai, tới nhà *tui* có việc *chi*?” tiếng nói của dì như vọng về từ một cõi xa xăm nào đó.

“Dạ, con là *Ba Hoa*, con của ông Thông bạn của dì ngày xưa.” “Thông” là tên cha.

“Ồ, *eng* Thông của *tui* hả? *Răng chừ eng tra khắn* [già cần cõi] *rứa*? Nhưng không *răng mô*, *eng* khi *mô* cũng là *ông* hoàng đẹp trai trong lòng *tui*. *Eng ưng* [muốn] *chi*, *tui* có *tui* cho *eng* liền. Có thằng con trai *tui* *nưng như nưng trứng*, *húng như húng bông* *tui* cũng bắt đi thăm *eng*, *eng* có la có chười, *hắn* cũng phải *cắm* [cắn] *răng* mà chịu. *Eng* có biết *tui* thương *eng* tới chừng *mô* không? *Tui* có chết đi, kiếp sau đầu thai, cũng một lòng thương *eng* như *rứa* thôi.”

Với bà lão tám mươi bệnh hoạn, mất trí nhớ, và quên hết quá khứ, và chỉ nhớ hình bóng cha là tình yêu đầu đời, tôi không nỡ báo tin cha đã qua đời hơn 20 năm. Trước khi từ giã, tôi đưa cho Liên chiếc phong bì đựng tiền Quỳnh Châu đã sửa soạn sẵn, không biết nói gì để an ủi cô.

Tôi lặng lẽ quay về khách sạn, mang theo tiếng nói run run mơ hồ của dì Lang. Có những mối tình không cần được đáp lại, nhưng vẫn đủ sức đi qua cả hơn nửa thế kỷ. Và tôi cười một mình nghĩ tới câu ca dao Quảng Bình,

Kim đâm vô thịch thì đau,

Thịch đâm vô thịch nhớ nhau suốt đời.

Nguyễn Ngọc Hoa

Ngày 19 tháng Mười Một, 2025